Chi tiết mã HS 2847.00.90

Mã HS	2847.00.90
Mô tả hàng hóa	Hydro peroxit, đã hoặc chưa làm rắn bằng ure. / - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 19:14:36
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/28470090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3744
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3744
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3744
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3727
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3688
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3688
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3688
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3688
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3688
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3688
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3726
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3726

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3726
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3726
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3726
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3726
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3730
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3730
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3730
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3730
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3730
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3730
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3730
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3694
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3690
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3690
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3690
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3690
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3690
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3690
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3690
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3690
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3690
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3690
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3690
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3690
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3737
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3737

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3737
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3737
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3737
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3737
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3734
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3734
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3734
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3734
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3734
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3734
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3742
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3742
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3742
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3742
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3742
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3742
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3713
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3713
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3713
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3713
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3713
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3713
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3715
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3715
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3715
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3715

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3715
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3715
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3713
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3713
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3713
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3713
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3713
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3713
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3713
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3734
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3734
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3734
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3734
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3734
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3734
RCEP B	2022	2022	0	B!D3734
RCEP B	2023	2023	0	B!E3734
RCEP B	2024	2024	0	B!F3734
RCEP B	2025	2025	0	B!G3734
RCEP B	2026	2026	0	B!H3734
RCEP B	2027	2027	0	B!I3734
RCEP C	2022	2022	0	C!D3734
RCEP C	2023	2023	0	C!E3734
RCEP C	2024	2024	0	C!F3734
RCEP C	2025	2025	0	C!G3734
RCEP C	2026	2026	0	C!H3734

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3734
RCEP D	2022	2022	0	D!D3734
RCEP D	2023	2023	0	D!E3734
RCEP D	2024	2024	0	D!F3734
RCEP D	2025	2025	0	D!G3734
RCEP D	2026	2026	0	D!H3734
RCEP D	2027	2027	0	D!I3734
RCEP E	2022	2022	0	E!D3737
RCEP E	2023	2023	0	E!E3737
RCEP E	2024	2024	0	E!F3737
RCEP E	2025	2025	0	E!G3737
RCEP E	2026	2026	0	E!H3737
RCEP E	2027	2027	0	E!I3737
RCEP F	2022	2022	0	F!D3734
RCEP F	2023	2023	0	F!E3734
RCEP F	2024	2024	0	F!F3734
RCEP F	2025	2025	0	F!G3734
RCEP F	2026	2026	0	F!H3734
RCEP F	2027	2027	0	F!I3734
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3424
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3424
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3424
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3424

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2847.00 có 2 dòng thuế; dòng 2847.00.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2847.00.10 Dạng lỏng	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2847.00.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2847.00.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3744), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.